

ĐÁP ÁN THI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2010-2011
MÔN HỌC: CƠ SỞ CÔNG NGHỆ MAY
LỚP : CK 08DM

Câu trả lời đúng được in đậm, chữ nghiêng và gạch dưới

Câu 1: Hình thức sản xuất may mặc gồm:

- a. **Tư sản tư tiêu**
- b. **May gia công**

Câu 2: FOB trong hàng may mặc là từ viết tắt của

- a. Finish on Board
- b. **Free on Board**
- c. Fresh off the Board

Câu 3: Sản xuất hàng FOB là hình thức sản xuất gì? **Tư sản tư tiêu**

Câu 4: Sản xuất hàng FOB là:

- a. Mua nguyên liệu, bán thành phẩm
- b. **Mua đứt, bán đoạn**

Câu 5: Mục đích ngành may công nghiệp là:

- **Hạ giá thành sản phẩm**
- **Năng suất, chất lượng cao và ổn định**
- **Phục vụ nhiều đối tượng sử dụng**

Câu 6: Quy trình công nghệ sản xuất hàng may công nghiệp bao gồm:

- a. Quá trình chuẩn bị sản xuất gồm:
 - **Nguyên phụ liệu**
 - **Thiết kế**
 - **Công nghệ**
- b. Quá trình triển khai sản xuất gồm:
 - **Cắt**
 - **May**
 - **Hoàn tất**

Câu 7: Giác sơ đồ là nội dung công việc của bộ phận:

- a. Kinh doanh
- b. May mẫu
- c. **Thiết kế - kỹ thuật**

Câu 8: Nội dung kiểm tra nguyên liệu gồm:

- a. **Kiểm tra số lượng, KT chất lượng, KT khổ vải**
- b. Kiểm tra chiều dài, màu sắc, bề mặt ngoại quan
- c. Kiểm tra số lượng, KT sự khác màu giữa các cây vải, KT khổ vải

Câu 9: Định mức nguyên phụ liệu bao gồm % hao hụt trong quá trình sản xuất là định mức gì?

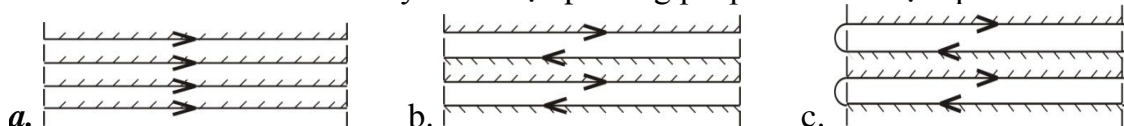
- a. Định mức kỹ thuật
- b. **Định mức sản xuất**
- c. Cả 2 lựa chọn đều đúng

Câu 10: Quá trình cắt là quá trình biến đổi nguyên liệu từ dạng **tám** sang dạng **mảnh**

Câu 11: Chi tiết được cắt từ bàn trái vải dưới dạng:

- a. Cắt thô đối với chi tiết lớn
- b. Cắt phá, cắt tinh đối với chi tiết nhỏ
- c. **Cả 2 lựa chọn a và b đều đúng**

Câu 12: Hình vẽ nào sau đây minh họa phương pháp trái vải “mặt úp trái”:



Câu 13: Bóc tập là công việc của xương
a. Cắt b. May c. Thành phẩm

Câu 14: Mục đích công đoạn đánh số:

- b. Hạn chế sự khác màu của sản phẩm
- c. Đảm bảo các chi tiết của sản phẩm nằm trên cùng một lớp vải
- d. Kiểm tra số lớp vải trong tập vải
- e. Cả 3 lựa chọn đều đúng

Câu 15: Liệt kê nguyên nhân gây ra hiện tượng nhăn đường may:

- a. Sức căng chỉ lớn
- b. Mật độ vải cao, sợi khích
- c. Lực nén chân vịt lớn

Câu 16: Hiện tượng bề mặt vải trên vải dệt kim là do:

- a. Hình dáng đầu kim, loại kim và kích thước kim
- b. Môi tương quan giữa kim – chỉ - vải
- c. Chế độ hoàn tất vải với chất bôi trơn phù hợp
- d. Cả 2 lựa chọn a và b đều đúng

Câu 17: Nguyên nhân gây hiện tượng đứt chỉ trong quá trình may là:

- a. Lỗi trên bộ phận dẫn chỉ, phát sinh nhiệt ở kim may, *sức căng chỉ quá lớn*
- b. Thiết lập thông số công nghệ may sai, môi tương quan giữa kim – chỉ - vải không phù hợp.
- c. *Số lớp vải may nhiều*, kim chịu nhiệt kém, lỗi trên bộ phận dẫn chỉ
- d. Cả a và b đều đúng
- e. Cả b và c đều đúng

Câu 18: Liệt kê thêm một số lỗi xảy ra trong quá trình may (không bao gồm 3 lỗi ở câu 15,16,17):

- a. Bỏ mũi may
- b. Trượt đường may
- c. Đứt sợi
- d. Gãy kim
- e. Rối chỉ

Câu 19: Quy định về an toàn lao động (ATLĐ) bao gồm

- a. Người lao động chấp hành quy định về ATLĐ; sử dụng và bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân;
- b. Không để người lao động làm việc nếu không mang trang thiết bị bảo hộ lao động
- c. Quản lý thường xuyên, đôn đốc, kiểm tra người lao động; Báo cáo kịp thời khi phát hiện và thấy các nguy cơ xảy ra đối với người lao động
- d. Cả 3 lựa chọn đều đúng

Câu 20: Liệt kê rủi ro gây tai nạn trong kho nguyên phụ liệu:

- a. Máy kiểm vải
- b. Xe nâng cây vải
- c. Cây vải rơi trúng công nhân
- d. Giá, kệ vải đè lên người công nhân
- e. Vải bị cháy

Câu 21: Cách khắc phục các rủi ro xảy ra trong xưởng cắt:

- a. Đeo bao tay sắt
- b. Mang khẩu trang
- c. Đội nón, mặc tạp dề

Câu 22: Các nội dung cần tiến hành để xử lý tai nạn lao động là:

- a. Sơ cứu tại chỗ, nằm nghỉ tại phòng y tế, về nhà hoặc chuyển viện, lập biên bản và xử lý
- b. Cho công nhân nằm nghỉ tại chỗ; điều tra nguyên nhân gây tai nạn
- c. Cho công nhân nằm nghỉ tại chỗ, về nhà hoặc chuyển viện, lập biên bản và xử lý
- d. Cả a và b đều đúng

e. Cả a và c đều đúng

Câu 23: Kiểm soát chất lượng sản phẩm may được thực hiện theo quy trình công nghệ sản xuất hàng may công nghiệp.

Câu 24: Để tiến hành kiểm vải trong sản xuất, người công nhân cần kiểm tra những hạng mục nào?

- a. Khô vải
- b. Chiều dài
- c. Màu sắc
- d. Chất liệu
- e. Vệ sinh công nghiệp trên vải

Câu 25: QC là từ viết tắt của Quality Control

QA là từ viết tắt của Quality Assurance

Câu 26: Kiểm tra bán thành phẩm sau cắt gồm:

- a. Thông số chi tiết cắt; vị trí khoan; số chi tiết được cắt
- b. Lỗi cắt; các vị trí lấy dấu, khoan; các góc của chi tiết
- c. Vị trí nút; vị trí thùy khuy; độ gia đường may
- d. Hướng canh sợi; vị trí lấy dấu; số size trên một sơ đồ

Câu 27: Nội dung kiểm tra công đoạn may bao gồm:

- a. Kiểm tra kỹ thuật may
- b. Kiểm tra thông số
- c. Kiểm tra thông số khuy, nút
- d. Kiểm tra lỗi ngoại quan, vệ sinh công nghiệp

Câu 28: Chọn đáp án không đúng trong nội dung công việc của công đoạn hoàn tất

- a. Tẩy vết bẩn trên sản phẩm
- b. Cắt chỉ, hút chỉ, dò kim
- c. Đo thông số sản phẩm sau wash
- d. Kiểm tra vị trí gắn nhãn, thùy khuy
- e. Kiểm tra kỹ thuật may sau wash, ủi sản phẩm

Câu 29: Đo chiều dài từ rón lên đỉnh là x. Đo chiều dài từ rón xuống chân là y

Giang 2 tay đo chiều dài là a. Cơ thể đạt tỷ lệ vàng khi: $x/y = a/(x+y) = 1.618$

Câu 30: Trong thiết kế thời trang, người ta thường sử dụng đơn vị là đầu để thiết kế

- a. 7
- b. 7 đầu rưỡi
- c. 8
- d. 8 đầu rưỡi

Câu 31: Sự khác biệt giữa bảng kích thước cơ thể và bảng kích thước sản phẩm là?

- a. Vị trí đo
- b. Đối tượng đo
- c. Dụng cụ đo

Câu 32: Ưu điểm công nghệ quét 3D body trong sản xuất may công nghiệp:

- a. Độ chính xác cao
- b. Thời gian đo ngắn
- c. Đo nhiều thông số
- d. Thống kê cỡ số dễ dàng
- e. Điều chỉnh rập nhanh chóng
- f. Sản xuất hình nhân

Câu 33: Trang phục sản xuất gồm:

- a. Đồ bảo hộ
- b. Đồ đồng phục
- c. Đồ mặc hàng ngày
- d. Cả a và b đều đúng
- e. Cả a, b, c đều đúng

Câu 34: Nhà thiết kế thời trang thì:

- a. Có thương hiệu riêng
- b. Đạt giải thưởng do hiệp hội thời trang uy tín trao tặng
- c. Có khả năng tạo ra xu hướng thời trang
- d. Có tầm ảnh hưởng đến phong cách ăn mặc mới

Câu 35: Đáp án nào sau đây không thể hiện mối quan hệ giữa thời trang và các ngành khác trong khối mĩ thuật công nghiệp:

- a. Thời trang và đồ họa
- b. **Thời trang và truyền thông**
- c. Thời trang và nội thất
- d. Thời trang và tạo dáng

Câu 36: Các yếu tố mỹ thuật trang phục trong thiết kế thời trang gồm:

- a. Phom dáng
- b. Chất liệu
- c. Màu sắc
- d. Họa tiết trang trí

Câu 37: Vòng tròn màu cơ bản gồm **3** màu. Liệt kê các màu gồm: **đỏ, vàng, lam**

Câu 38: Phối màu cơ bản trong thiết kế thời trang không gồm:

- a. Phối màu đơn sắc
- b. Phối màu tương đồng
- c. Phối màu tương phản
- d. **Phối màu năng động**

Câu 39: Để tạo điểm nhấn trên trang phục nhà thiết kế thường dùng giải pháp gì?

- a. **Kỹ thuật in**
- b. **Kỹ thuật thêu**
- c. **Kỹ thuật kết cườm**
- d. **Nguyên phụ liệu ngành may**

Câu 40: Để lựa chọn một ý tưởng cho bộ sưu tập, nhà thiết kế cần phải thu thập thông tin từ các nguồn?

- a. **Buổi trình diễn thời trang**
- b. **Điện ảnh**
- c. **Báo chí**
- d. **Âm nhạc**
- e. **Xu hướng thời trang**
- f. **Văn hóa**

Chủ nhiệm bộ môn

Giảng viên chấm thi

TS. HỒ THỊ MINH HƯƠNG

ThS. NGUYỄN THỊ NGHĨA